NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 25/2019/TT-NHNN	*Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2019*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng; Nghị định số 43/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam (sau đây gọi là Thông tư số 40/2011/TT-NHNN)

1. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 3. Thẩm quyền quyết định cấp Giấy phép

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền quyết định:

a) Cấp Giấy phép đối với ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đối với ngân hàng thương mại, các chi nhánh ngân hàng nước ngoài là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

2. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thẩm quyền quyết định:

a) Cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố, trừ các chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Cấp Giấy phép, sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với văn phòng đại diện."

2. Khoản 2 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Trình tự và thủ tục cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện như sau:

a) Tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại Điều 13, Điều 18 Thông tư này và nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) nơi văn phòng đại diện dự kiến đặt trụ sở.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng yêu cầu bổ sung hồ sơ.

b) Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tiến hành cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản trả lời tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng, trong đó nêu rõ lý do không cấp Giấy phép.”

3. Khoản 8 Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“8. Văn bản chứng minh quyền sử dụng hoặc sẽ có quyền sử dụng hợp pháp trụ sở của văn phòng đại diện.”

4. Bổ sung Mục 5 vào Chương II như sau:

“**Mục 5**

QUY ĐỊNH VỀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP ĐỐI VỚI NHỮNG THAY ĐỔI CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Điều 18d. Quy định chung về những thay đổi của văn phòng đại diện

1. Văn phòng đại diện lập hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép và nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18đ Thông tư này đối với các nội dung thay đổi sau đây:

a) Thay đổi tên;

b) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở khác địa bàn tỉnh, thành phố nơi văn phòng đại diện đang đặt trụ sở;

c) Gia hạn thời hạn hoạt động.

2. Văn phòng đại diện nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính văn bản thông báo đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chậm nhất 07 ngày làm việc, kể từ ngày có các nội dung thay đổi sau đây:

a) Thay đổi Trưởng văn phòng đại diện;

b) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố;

c) Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở mà không làm thay đổi địa điểm đặt trụ sở.

3. Văn phòng đại diện lập hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép quy định tại khoản 1 Điều này theo nguyên tắc lập hồ sơ quy định tại Điều 13 Thông tư này.

4. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với các nội dung thay đổi quy định tại khoản 1 Điều này, văn phòng đại diện thực hiện các nội dung sau đây:

a) Đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những nội dung thay đổi;

b) Tiến hành hoạt động tại địa điểm mới và chấm dứt hoạt động tại địa điểm cũ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Công bố các nội dung thay đổi trên các phương tiện thông tin của Ngân hàng Nhà nước và một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

Điều 18đ. Hồ sơ, trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi của văn phòng đại diện

1. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với những thay đổi tại khoản 1 Điều 18d Thông tư này gồm:

a) Văn bản đề nghị thay đổi do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng ký, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau đây:

(i) Nội dung hiện tại;

(ii) Nội dung dự kiến thay đổi. Đối với tên dự kiến thay đổi phải đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 23 Thông tư này;

(iii) Lý do thay đổi;

b) Tài liệu chứng minh lý do thay đổi (đối với trường hợp thay đổi tên); hoặc tài liệu chứng minh văn phòng đại diện có quyền sử dụng hoặc sẽ có quyền sử dụng hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới (đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở);

c) Báo cáo tài chính năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị đã được kiểm toán độc lập của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng và Báo cáo tổng quan tình hình hoạt động của văn phòng đại diện đối với trường hợp gia hạn thời hạn hoạt động (trong đó nêu rõ tình hình hoạt động trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị và kế hoạch hoạt động trong năm tiếp theo).

2. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép:

a) Văn phòng đại diện lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở đối với trường hợp thay đổi tên, gia hạn thời hạn hoạt động hoặc gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi dự kiến chuyển trụ sở đến đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở. Đối với trường hợp gia hạn thời hạn hoạt động, thời hạn gửi hồ sơ tối thiểu 60 ngày trước ngày Giấy phép hết hiệu lực;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu văn phòng đại diện bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi của văn phòng đại diện. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

5. Bổ sung điểm g và điểm h vào khoản 2 Điều 36 như sau:

“g) Làm đầu mối tiếp nhận, thẩm định và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư này;

h) Có văn bản kèm hồ sơ lấy ý kiến các đơn vị có liên quan trong Ngân hàng Nhà nước về đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đối với các nội dung hoạt động phái sinh lãi suất, cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa và hoạt động lưu ký chứng khoán.”

6. Khoản 8 Điều 36 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“8. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản đề nghị, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị thành lập dự kiến đặt trụ sở chính thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và có văn bản gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;

b) Làm đầu mối làm việc với chính quyền địa phương nơi ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn (nếu có);

c) Làm đầu mối trực tiếp kiểm tra, chỉ đạo, giám sát ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện và đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước trước khi tiến hành khai trương hoạt động;

d) Đình chỉ ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khai trương hoạt động trong trường hợp ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không đáp ứng các điều kiện khai trương hoạt động;

đ) Báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về điều kiện và tình hình tiến hành khai trương hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

e) Tiếp nhận, thẩm định các hồ sơ quy định tại Điều 18, Điều 18c và khoản 1 Điều 18đ Thông tư này;

g) Có văn bản gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở của văn phòng đại diện đối với các nội dung sau đây:

(i) Địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện khi thực hiện cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

(ii) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở khác địa bàn tỉnh, thành phố nơi văn phòng đại diện đang đặt trụ sở theo quy định tại Điều 18đ Thông tư này;

h) Chịu trách nhiệm về quản lý và lưu trữ hồ sơ cấp Giấy phép sau khi đã cấp Giấy phép;

i) Tiếp nhận văn bản thông báo của văn phòng đại diện có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố đối với các nội dung thay đổi quy định tại khoản 2 Điều 18d Thông tư này;

k) Thông báo cho Bộ Công an (Cục An ninh kinh tế) về nhân sự là Trưởng văn phòng đại diện sau khi cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện và việc thay đổi nhân sự là Trưởng văn phòng đại diện sau khi nhận được văn bản thông báo của văn phòng đại diện;

l) Thanh tra văn phòng đại diện có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố theo quy định của pháp luật.”

Điều 2.

1. Thay đổi đoạn “gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)” thành đoạn “và nộp trực

tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư này" tại khoản 1 Điều 18b Thông tư số 40/2011/TT-NHNN (được bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Thông tư số 17/2017/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN).

2. Bỏ cụm từ "thay đổi thời hạn hoạt động" tại tên Điều 22 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN.

3. Bỏ cụm từ "văn phòng đại diện" tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm đ khoản 2 Điều 36 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN.

4. Bãi bỏ khoản 2 Điều 22, điểm b khoản 2 Điều 36 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN.

5. Bỏ cụm từ "Trưởng văn phòng đại diện" tại điểm b khoản 1 Điều 35 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 16 Điều 1 Thông tư số 28/2018/TT-NHNN ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN).

6. Thay thế Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 40/2011/TT-NHNN bằng Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này (bao gồm: Phụ lục 01a (Mẫu Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại), Phụ lục 01b (bao gồm: Phụ lục 01b1 và Phụ lục 01b2 (Mẫu Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài)), Phụ lục 01c (Mẫu Giấy phép thành lập văn phòng đại diện)).

7. Thay thế Phụ lục số 02c ban hành kèm theo Thông tư số 40/2011/TT-NHNN bằng Phụ lục số 02c ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động của văn phòng đại diện đã nộp mà Giấy phép hết hiệu lực trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép theo thẩm quyền quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng

thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) ngân hàng thương mại, Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Trưởng văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2020.

2. Thông tư này bãi bỏ:

a) Điểm b khoản 4 Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 17/2017/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN;

b) Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 28/2018/TT-NHNN ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN./.

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Nguyễn Thị Hồng

PHỤ LỤC 01

VỀ MẪU GIẤY PHÉP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2019/TT-NHNN ngày 02 tháng 12 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam)

Phụ lục 01a - Mẫu Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại

Phụ lục 01b - Mẫu Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Phụ lục 01c - Mẫu Giấy phép thành lập văn phòng đại diện.

Phụ lục 01a

Mẫu Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
--------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-NHNN	*Hà Nội, ngày tháng năm.....*

GIẤY PHÉP

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG (loại hình....)

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ

chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam và Thông tư số..... sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN;

Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động (Ngân hàng thương mại, Ngân hàng liên doanh, Ngân hàng 100% vốn nước ngoài)..... và hồ sơ kèm theo (đối với trường hợp cấp Giấy phép thành lập mới)/Xét đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động (Ngân hàng thương mại, Ngân hàng liên doanh, Ngân hàng 100% vốn nước ngoài)..... và hồ sơ kèm theo (đối với trường hợp cấp đổi);

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng.... ngày... (đối với trường hợp cấp Giấy phép thành lập mới);

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép thành lập (Ngân hàng thương mại, Ngân hàng liên doanh, Ngân hàng 100% vốn nước ngoài)..... như sau: (đối với trường hợp cấp Giấy phép thành lập mới)/cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động số..... ngày..... cho Ngân hàng..... như sau (đối với trường hợp cấp đổi Giấy phép):

1. Tên Ngân hàng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:.....;

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:.....;

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điều 2. Vốn điều lệ của Ngân hàng..... là..... (bằng chữ:.....)

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng..... là..... năm (đối với trường hợp cấp Giấy phép thành lập mới)/Thời hạn hoạt động của Ngân hàng... là..... năm (là thời hạn hoạt động được quy định tại Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp trước đây) kể từ ngày..... (là ngày hiệu lực của Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước cấp trước đây) (đối với trường hợp cấp đổi Giấy phép).

Điều 4. Nội dung hoạt động

Ngân hàng..... được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

2. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

a) Cho vay;

b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;

c) Bảo lãnh ngân hàng;

d) Phát hành thẻ tín dụng;

đ) Bao thanh toán trong nước;

3. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

4. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:

a. Cung ứng phương tiện thanh toán;

b. Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.

5. Mở tài khoản:

a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.

6. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

7. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

8. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.

9. Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.

10. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.

11. Dịch vụ môi giới tiền tệ.

12. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

13. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

14. Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

15. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

16. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

17. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

18. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ, tài sản tài chính khác trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế.

19. Lưu ký chứng khoán.

20. Kinh doanh vàng miếng.

21. Ví điện tử.

22. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.

23. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

24. Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

Điều 5. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng..... phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký (đối với trường hợp cấp Giấy phép thành lập mới)/Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số..... ngày....., kèm các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép (đối với trường hợp cấp đổi).

Điều 7. Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng...../Giấy phép cấp đổi cho Ngân hàng..... được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho Ngân hàng.....; một (01) bản để đăng ký kinh doanh; ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (một bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh....., một bản lưu tại hồ sơ cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng/hồ sơ cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng.....).

Nơi nhận:
- Như Điều 7;
- UBND tỉnh/TP.....;
- Bộ Công an;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư;
- Lưu: VP, TTGSNH.

THỐNG ĐỐC

Phụ lục 01b

VỀ MẪU GIẤY PHÉP THÀNH LẬP CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

Phụ lục 01b1 - Mẫu Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài (do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp)

Phụ lục 01b2 - Mẫu Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài (do Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh cấp)

Phụ lục 01b1

Mẫu Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài (do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
--------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-NHNN	*Hà Nội, ngày tháng năm.....*

GIẤY PHÉP

THÀNH LẬP CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam và Thông tư số..... sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN;

Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài của Ngân hàng..... và hồ sơ kèm theo (đối với trường hợp cấp Giấy phép thành lập mới)/Xét đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài của Ngân hàng..... (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) và hồ sơ kèm theo (đối với trường hợp cấp đổi);

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài của Ngân hàng..... ngày.... (đối với trường hợp cấp Giấy phép thành lập mới);

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Ngân hàng....., quốc tịch....., có trụ sở chính tại..... được thành lập chi nhánh tại....., Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam như sau (đối với trường hợp cấp Giấy phép thành lập mới)/cấp đổi Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài số..... ngày..... cho Ngân hàng..... như sau (đối với trường hợp cấp đổi):

1. Tên chi nhánh:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:.....;

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:.....;

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):.....

2. Địa chỉ trụ sở:.....

Điều 2. Vốn được cấp của Ngân hàng... - Chi nhánh.... là..... (bằng chữ:.....).

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng... - Chi nhánh..... là.... năm (đối với trường hợp cấp Giấy phép thành lập mới)/Thời hạn hoạt động của Ngân hàng... - Chi nhánh..... là..... năm (là thời hạn hoạt động được quy định tại Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp trước đây) kể từ ngày..... (là ngày hiệu lực của Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước cấp trước đây) (đối với trường hợp cấp đổi).

Điều 4. Nội dung hoạt động

Ngân hàng..... - Chi nhánh.... được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

2. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

a) Cho vay;

b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;

c) Bảo lãnh ngân hàng;

d) Phát hành thẻ tín dụng;

đ) Bao thanh toán trong nước;

3. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

4. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:

a. Cung ứng phương tiện thanh toán;

b. Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.

5. Mở tài khoản:

a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.

6. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

7. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

8. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.

9. Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.

10. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.

11. Dịch vụ môi giới tiền tệ.

12. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

13. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

14. Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

15. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

16. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

17. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ, tài sản tài chính khác trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế.

18. Lưu ký chứng khoán.

19. Kinh doanh vàng miếng.

20. Ví điện tử.

21. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.

22. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

23. Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

Điều 5. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng... - Chi nhánh..... phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký (đối với trường hợp cấp Giấy phép thành lập mới)/Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài số.... ngày... kèm các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép (đối với trường hợp cấp đổi).

Điều 7. Giấy phép thành lập Ngân hàng... - Chi nhánh...../Giấy phép cấp đổi cho Ngân hàng... - Chi nhánh..... được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho Ngân hàng..... - Chi nhánh.....; một (01) bản để đăng ký kinh doanh;

ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; (một bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố....., một bản lưu tại hồ sơ cấp Giấy phép thành lập Ngân hàng.... - Chi nhánh...../hồ sơ cấp đổi Giấy phép thành lập Ngân hàng..... - Chi nhánh.....).

Nơi nhận:
- Như Điều 7;
- UBND tỉnh/TP.....;
- Bộ Công an;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư;
- Lưu: VP, TTGSNH.

THỐNG ĐỐC

Phụ lục 01b2

Mẫu Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài (do Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh cấp)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC** **CHI NHÁNH...** **--------** Số:...../GP-.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------** *..., ngày tháng năm.....*

GIẤY PHÉP

THÀNH LẬP CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH/ THÀNH PHỐ...

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam và Thông tư số..... sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN;

Xét đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài của Ngân hàng..... (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố) và hồ sơ kèm theo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Ngân hàng....., quốc tịch....., có trụ sở chính tại..... được cấp đổi Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài số..... ngày..... cho Ngân hàng..... như sau:

1. Tên chi nhánh:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:.....;

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:.....;

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):.....

2. Địa chỉ trụ sở:.....

Điều 2. Vốn được cấp của Ngân hàng... - Chi nhánh.... là..... (bằng chữ:.....).

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng... - Chi nhánh..... là..... năm (là thời hạn hoạt động được quy định tại Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp trước đây) kể từ ngày..... (là ngày hiệu lực của Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước cấp trước đây).

Điều 4. Nội dung hoạt động

Ngân hàng..... - Chi nhánh.... được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

2. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

a) Cho vay;

b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;

c) Bảo lãnh ngân hàng;

d) Phát hành thẻ tín dụng;

đ) Bao thanh toán trong nước;

3. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

4. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:

a. Cung ứng phương tiện thanh toán;

b. Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.

5. Mở tài khoản:

a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.

6. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

7. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

8. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.

9. Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.

10. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.

11. Dịch vụ môi giới tiền tệ.

12. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

13. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

14. Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

15. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

16. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

17. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ, tài sản tài chính khác trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế.

18. Lưu ký chứng khoán.

19. Kinh doanh vàng miếng.

20. Ví điện tử.

21. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.

22. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

23. Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

Điều 5. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng... - Chi nhánh..... phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài số.... ngày... kèm các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

Điều 7. Giấy phép cấp đổi cho Ngân hàng... - Chi nhánh.... được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho Ngân hàng... - Chi nhánh.....; một (01) bản để đăng ký kinh doanh; ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố...

Nơi nhận:
- Như Điều 7;
- Thống đốc NHNN;
- UBND tỉnh/TP.....;
- Bộ Công an;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư;
- Lưu:....

GIÁM ĐỐC

Phụ lục 01c

Mẫu Giấy phép thành lập văn phòng đại diện

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH** -------- Số:...../GP-.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *....., ngày tháng năm.....*

GIẤY PHÉP

THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH/ THÀNH PHỐ....

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam và Thông tư số..... sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN;

Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của... (tên tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng) và hồ sơ kèm theo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép... (tên tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng), quốc tịch..., có trụ sở chính tại (tên thành phố, quốc gia)

được thành lập văn phòng đại diện tại (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương), Việt Nam như sau:

1. Tên văn phòng đại diện:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

2. Địa bàn đặt trụ sở văn phòng đại diện:

Điều 2. Thời hạn hoạt động:

Điều 3. Nội dung hoạt động:

Các hoạt động... *(liệt kê các hoạt động đề nghị và được chấp thuận tương ứng theo quy định tại Điều 125 Luật các tổ chức tín dụng);*

Điều 4. Trong quá trình hoạt động, Văn phòng đại diện... (tên tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng) -... (tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện... (tên tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng) -... (tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho... (tên tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng); một (01) bản để đăng ký hoạt động; ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố...

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Thống đốc NHNN;
- UBND tỉnh/TP.....;
- Bộ Công an;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư;
- Lưu:....

GIÁM ĐỐC

Phụ lục số 02c

Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2019/TT-NHNN ngày 02 tháng 12 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Kính gửi: Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố...

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam và Thông tư số..... sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN;

Nay, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (tên) đề nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố... xem xét cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (tên) với nội dung sau đây:

1. Tên của văn phòng đại diện:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh

2. Địa điểm đặt trụ sở dự kiến của văn phòng đại diện:

3. Nội dung hoạt động:

4. Thời gian hoạt động:

5. Danh sách dự kiến bổ nhiệm trưởng văn phòng đại diện của văn phòng đại diện (nêu rõ họ, tên).

Tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (tên)... xin cam kết:

- Về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Sau khi được cấp Giấy phép, chúng tôi sẽ thực hiện việc đăng ký kinh doanh, đăng ký ngày khai trương và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước; nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày... tháng... năm...

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng

(Ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên)